

Bản án số: 116/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Việt Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Sấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh T - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị P - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2019, bản tự khai ngày 22/01/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh T trình bày: Anh và chị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn ngày 10/11/2014 tại UBND xã L, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng gần 2 năm đầu, rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Quá trình chung sống anh còn phát hiện khi chị buôn bán ở chợ xã L thường xuyên đánh bạc dẫn đến nợ nần, anh đã nhiều lần phải trả nợ hộ chị

để mong chị thôi không tiếp tục chơi bời cờ bạc nữa, chuyên tâm chăm lo gia đình, nhưng chị vẫn không thay đổi. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân không quan tâm gì đến nhau.

Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh T khai vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là V, sinh ngày 13/8/2015 và N, sinh ngày 19/10/2017, hiện nay cháu V đang ở với anh T, cháu N đang ở với chị P.

Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 22/01/2019 bị đơn là chị P trình bày: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Định vào ngày 10/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó việc làm ăn của chị không thuận lợi nên vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị còn phát hiện anh T không chung thủy, có quan hệ ngoài hôn nhân. Mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 5/2018, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có 02 con chung là V, sinh ngày 13/8/2015 và N, sinh ngày 19/10/2017, hiện cháu V đang ở với anh T, cháu N đang ở với chị P. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị P xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng chị chưa xác định được giá trị nên sẽ làm đơn khác để kê khai rõ và yêu cầu giải quyết chia theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: Chị P xác định vợ chồng có một số khoản nợ chung nhưng sẽ thu thập thêm chứng cứ và sẽ làm thành văn bản riêng để yêu cầu Tòa án giải quyết chia trách nhiệm trả nợ theo quy định của pháp luật.

Từ sau khi làm bản tự khai, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị P vẫn không lên trình bày quan điểm về yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh T được ly hôn chị P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị P là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Yên Định nên việc anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Tuy nhiên do chị P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần mà không đến, nên Tòa án không hòa giải được, mà chỉ tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử, chị P đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 25/7/2019, Tòa án mở lại phiên tòa, chị P đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Định ngày 10/11/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, qua việc xác minh nguyên nhân của việc ly hôn thì được biết

quá trình vợ chồng chung sống chị P có phát sinh một số khoản nợ do đánh bài, anh T đã nhiều lần trả nợ cho chị P nhưng chị vẫn không thay đổi, nên mâu thuẫn của vợ chồng càng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, đã được chính quyền địa phương và gia đình hòa giải, khuyên can nhưng vẫn không thành Từ khoảng tháng 5/2018 đến nay chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Quá trình giải quyết tại Tòa án chị P cũng đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T làm đơn ly hôn thì chị cũng đồng ý. Nhưng sau khi làm bản tự khai tại Tòa chị không đến Tòa án làm việc nữa. Do vậy Tòa án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh được ly hôn chị P.

[3] Về con chung: Anh T và chị P có 02 con chung là V, sinh ngày 13/8/2015 và N, sinh ngày 19/10/2017. Xét nguyện vọng được nuôi con của các bên là chính đáng và đều có khả năng nuôi con, đồng thời để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cho mỗi người nuôi một cháu, anh T nuôi dưỡng cháu V, chị P nuôi dưỡng cháu N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

Tại bản tự khai ngày 22/01/2019 chị P có yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung. Sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị P nhưng chị không có mặt, không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tòa án cũng đã làm công văn yêu cầu chị P thể hiện rõ quan điểm nhưng không nhận được phản hồi từ chị. Vì vậy không có cơ sở xem xét yêu cầu của chị P về việc chia tài sản chung và công nợ chung trong vụ án này, dành quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung và công nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác là phù hợp với khoản 3 Điều 200 BLTTDS.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 200, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh T được ly hôn chị P.

2. Về con chung: Giao cháu V, sinh ngày 13/8/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu N, sinh ngày 19/10/2017 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và chị P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0003117 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. (anh T đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng